

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1005/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Hứa Thị Mai T**, sinh năm 1991

Bị đơn: Anh **Dương Hữu P**, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: A1/135A, Kp.01, P.Tân Vạn, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hứa Thị Mai T, sinh năm 1991 và anh Dương Hữu P, sinh năm 1983.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: **Giao con chung là cháu** Dương Gia H, sinh ngày 14/3/2012 cho chị Hứa Thị Mai T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Dương Hữu P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng trên một tháng), kể từ khi có quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn để các bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hứa Thị Mai T và anh Dương Hữu P mỗi người phải nộp 75.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh P phải chịu 150.000đ án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng do chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí do đó: Chị Hứa Thị Mai T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0008801 ngày 13/3/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa. Chị T đã nộp đủ án phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa
- UBND P. Tân Vạn;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Minh Nhựt